

Số: 1553/QĐ-HVCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp học bổng "Đồng hành cùng sinh viên Học viện"
cho sinh viên Đại học hệ chính quy năm học 2020 - 2021**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÁN BỘ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-HVCB ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ "Đồng hành cùng sinh viên Học viện" đối với sinh viên hệ chính quy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng "Đồng hành cùng sinh viên Học viện" năm học 2020 - 2021 cho **53** sinh viên hệ Đại học chính quy (theo danh sách đính kèm) có hoàn cảnh khó khăn đã nỗ lực phấn đấu vươn lên trong học tập.

Điều 2. Nguồn kinh phí trích từ Quỹ "Đồng hành cùng sinh viên Học viện" để cấp cho sinh viên với các mức như sau:

Học bổng loại 1: 3.000.000 đồng/sinh viên.

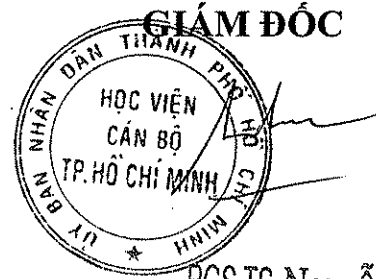
Học bổng loại 2: 1.500.000 đồng/sinh viên.

Tổng số tiền cấp Học bổng cho **53** sinh viên là: **154.500.000 đồng** (Một trăm năm mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

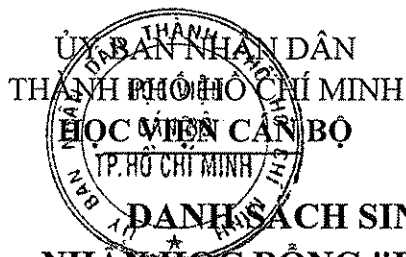
Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Phòng Công tác sinh viên, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./^{my}

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Như Điều 1;
- Các khoa chuyên môn;
- Lưu: VT, P.CTSV.



PGS.TS. Nguyễn Tấn Phát



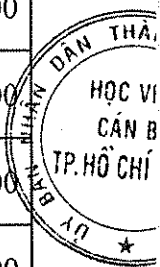
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN HỆ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NHẬN HỌC BỔNG "ĐỒNG HÀNH CÙNG SINH VIÊN HỌC VIỆN"**

Năm học 2020 - 2021

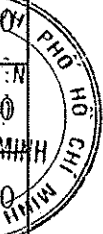
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1553/QĐ-HVCB ngày 15...tháng 12 năm 2020
của Giám đốc Học viện Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Khóa	Ngành	Lớp	Mức Học bổng	Số tiền Học bổng
1	172040060	Đỗ Thị Thu Dung	2	Công tác Xã hội	K2A-CTXH	Loại 1	3.000.000
2	172040116	Nguyễn Phan Ngọc Trâm	2	Công tác Xã hội	K2A-CTXH	Loại 1	3.000.000
3	172010095	Nguyễn Thị Anh Thư	2	Chính trị học	K2C-CTH	Loại 1	3.000.000
4	172010014	Nguyễn Dương Quỳnh Như	2	Chính trị học	K2C-CTH	Loại 1	3.000.000
5	172010044	Lưu Bảo Thơ	2	Chính trị học	K2B-CTH	Loại 1	3.000.000
6	172010175	Trần Nguyễn Gia Linh	2	Chính trị học	K2B-CTH	Loại 1	3.000.000
7	172010071	Nguyễn Thị Thảo	2	Chính trị học	K2A-CTH	Loại 1	3.000.000
8	172030193	Trần Thị Huyền Trang	2	Luật	K2C-Luật	Loại 1	3.000.000
9	172030173	Dương Thị Kim Sơn	2	Luật	K2C-Luật	Loại 1	3.000.000
10	172030089	Nguyễn Ngọc Vương	2	Luật	K2C-Luật	Loại 1	3.000.000
11	172030186	Lâm Ngọc Thiên Kim	2	Luật	K2B-Luật	Loại 1	3.000.000
12	172050083	Lê Nguyên Bảo Ngọc	2	Quản lý Nhà nước	K2C-QLNN	Loại 1	3.000.000
13	172050278	Trần Minh Hiếu	2	Quản lý Nhà nước	K2F-QLNN	Loại 1	3.000.000
14	172050382	Lương Thành Quang Tường	2	Quản lý Nhà nước	K2B-QLNN	Loại 1	3.000.000
15	172050274	Trần Thúy Dung	2	Quản lý Nhà nước	K2E-QLNN	Loại 1	3.000.000



STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Khóa	Ngành	Lớp	Mức Học bổng	Số tiền Học bổng
16	172050059	Nguyễn Thị Như Ý	2	Quản lý Nhà nước	K2C-QLNN	Loại 1	3.000.000
17	172050004	Nguyễn Minh Tài	2	Quản lý Nhà nước	K2A-QLNN	Loại 1	3.000.000
18	172050385	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	2	Quản lý Nhà nước	K2A-QLNN	Loại 1	3.000.000
19	172050039	Lê Hoàng Minh	2	Quản lý Nhà nước	K2A- QLNN	Loại 1	3.000.000
20	172050119	Huỳnh Hải Dương	2	Quản lý Nhà nước	K2A-QLNN	Loại 1	3.000.000
21	172020150	Trương Thị Thùy Trang	2	Xây dựng Đảng	K2A-XDD	Loại 1	3.000.000
22	182040010	Lê Nguyễn Thảo My	3	Công tác Xã hội	K3A-CTXH	Loại 1	3.000.000
23	182040020	Bồ Bồ Minh Hiệp	3	Công tác Xã hội	K3A-CTXH	Loại 1	3.000.000
24	182010065	Kiên Thị thúy An	3	Chính trị học	K3- CTH	Loại 1	3.000.000
25	182010066	Trần Thị Hạnh	3	Chính trị học	K3A- CTH	Loại 1	3.000.000
26	182030770	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	3	Luật	K3B- LUA	Loại 1	3.000.000
27	182030764	Huỳnh Thanh Liêm	3	Luật	K3A-LUA	Loại 1	3.000.000
28	182030866	Trần Thị Quỳnh	3	Luật	K3B- Luật	Loại 1	3.000.000
29	182030886	Nguyễn Bình Phương Yến Nhi	3	Luật	K3- Luật	Loại 1	3.000.000
30	182030766	Nguyễn Thành Vũ	3	Luật	K3A- Luật	Loại 1	3.000.000
31	182050054	Bùi Thị Nguyệt	3	Quản lý Nhà nước	K3A-QLNN	Loại 1	3.000.000
32	192040029	Trần Hữu Nhân	4	Công tác Xã hội	K4A-CTXH	Loại 1	3.000.000
33	192030115	Phùng Thị Minh Tâm	4	Luật	K4C- Luật	Loại 1	3.000.000
34	192030149	Phan Thị Yến Nhi	4	Luật	K4B- Luật	Loại 1	3.000.000
35	192030059	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	4	Luật	K4B- Luật	Loại 1	3.000.000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Khóa	Ngành	Lớp	Mức Học bổng	Số tiền Học bổng
36	192030055	Triệu Nguyễn Ngọc Liên	4	Luật	K4B- Luật	Loại 1	3.000.000
37	192030056	Huỳnh Thị Ngọc Tuy	4	Luật	K4B-LUA	Loại 1	3.000.000
38	192030121	Ngô Diễm Phúc	4	Luật	K4B-LUA	Loại 1	3.000.000
39	192030057	Hà Kim Ngân	4	Luật	K4B-LUA	Loại 1	3.000.000
40	192050006	Phan Thị Quỳnh Nhi	4	Quản lý Nhà nước	K4A-QLNN	Loại 1	3.000.000
41	192050046	Nguyễn Đăng Phương Quyền	4	Quản lý Nhà nước	K4A-QLNN	Loại 1	3.000.000
42	202012712	Tạ Thị Thùy Trang	5	Chính trị học	K5B-CTH	Loại 1	3.000.000
43	202010021	Nguyễn Quốc Phương Quân	5	Chính trị học	K5A-CTH	Loại 1	3.000.000
44	202012716	Hà Như Yên	5	Chính trị học	K5A-CTH	Loại 1	3.000.000
45	202030005	Huỳnh Nguyễn Thảo Phương	5	Luật	K5C-LUA	Loại 1	3.000.000
46	202032745	La Thị Chính	5	Luật	K5A-LUA	Loại 1	3.000.000
47	202032746	Nguyễn Thị Ngọc	5	Luật	K5C-LUA	Loại 1	3.000.000
48	202050011	Trần Thị Kim Thoa	5	Quản lý Nhà nước	K5B	Loại 1	3.000.000
49	202022713	Quách Bảo Doan	5	Xây dựng Đảng	K5A-XDD	Loại 1	3.000.000
50	202022720	Trần Lê Bích Trâm	5	Xây dựng Đảng	K5A-XDD	Loại 1	3.000.000
51	192030089	Mai Văn Hậu	4	Luật	K4B- Luật	Loại 2	1.500.000
52	192030012	Hồ Duy Phúc	4	Luật	K4A- Luật	Loại 2	1.500.000
53	192030096	Hoàng Thị Thu Thảo	4	Luật	K4B-LUA	Loại 2	1.500.000
TỔNG CỘNG							154.500.000



my

